

Số: 21 /NQ-HĐND

Minh Hưng, ngày 23 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách
phường Minh Hưng năm 2025 (lần 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG MINH HƯNG
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 25/6/2025 về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 25/06/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2025 (lần 2);

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 07/11/2025 của Hội đồng nhân dân phường về danh mục kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 phường Minh Hưng;

Xét Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 16/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường về việc thông qua điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 23/BC-BKTNS ngày 22/12/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường; ý kiến thảo luận và ý kiến của các vị đại biểu HĐND phường.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách phường Minh Hưng năm 2025 (lần 2), như sau:

- | | |
|--|-----------------------|
| 1. Tổng thu ngân sách nhà nước: | 16 tỷ 741 triệu đồng |
| 2. Tổng thu ngân sách địa phương: | 296 tỷ 285 triệu đồng |
| Bao gồm: | |
| - Các khoản thu được hưởng theo phân cấp: | 11 tỷ 412 triệu đồng |
| - Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: | 280 tỷ 281 triệu đồng |
| - Thu từ chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: | 4 tỷ 586 triệu đồng |
| - Thu kết dư | 6 triệu đồng |
| 3. Tổng chi ngân sách địa phương: | 296 tỷ 285 triệu đồng |
| Trong đó: | |
| - Chi đầu tư: | 104 tỷ 035 triệu đồng |
| - Chi thường xuyên: | 169 tỷ 360 triệu đồng |
| <i>(Trong đó: có 44, 575 tỉ chưa phân bổ chờ nộp trả ngân sách tỉnh)</i> | |
| - Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương: | 13 tỷ 504 triệu đồng |
| - Dự phòng ngân sách: | 4 tỷ 699 triệu đồng |
| - Chi chuyển nguồn ngân sách: | 4 tỷ 586 triệu đồng |
| - Nộp trả ngân sách cấp trên: | 101 triệu đồng |
| <i>(Chi tiết theo các phụ lục đính kèm).</i> | |

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân phường thực hiện công khai điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách phường Minh Hưng năm 2025 theo đúng quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân phường khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026 giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Minh Hưng khóa XII, kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 23 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- TT.Đảng ủy, TT.HĐND-UBND-UBMTTQ phường;
- Các vị đại biểu HĐND phường;
- Các Ban HĐND phường;
- Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp phường;
- LĐVP, CV Thành, Trang (10b);
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Tiến Hiếu



Biểu mẫu số 15

ĐIỀU CHỈNH CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 21/NQ-HĐND ngày 23 / 12 /2025 của Hội đồng nhân dân phường Minh Hưng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Dự toán đã điều chỉnh 2025		Dự toán điều chỉnh, bổ sung		Tổng dự toán điều chỉnh 2025		So sánh (%)		
		Dự toán HĐND tỉnh giao năm 2025	Dự toán HĐND điều chỉnh năm 2025 (Theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 07/11/2025)	Dự toán HĐND tỉnh giao năm 2025	Dự toán HĐND phường thông qua năm 2025	Dự toán HĐND tỉnh giao năm 2025	Dự toán HĐND phường thông qua năm 2025			
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=4/1</i>	<i>8=5/2</i>	<i>9=6/5</i>
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	233.256	239.544	52.175	56.741	285.431	296.285	122,4	123,7	103,8
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	5.150	11.412			5.150	11.412	100,0	100,0	221,6
-	Thu NSDP hưởng 100%	1.650	4.710			1.650	4.710	100,0	100,0	285,5
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	3.500	6.702			3.500	6.702	100,0	100,0	191,5
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	228.106	228.132	52.175	52.175	280.281	280.281	122,9	122,9	100,0
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	113.556	113.556			113.556	113.556	100,0	100,0	100,0
2	Thu bổ sung có mục tiêu	114.550	114.550	52.175	52.175	166.725	166.725		145,5	100,0
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		22		4.564		4.586			
IV	Nộp trả ngân sách cấp trên		4		(4)					
VI	Thu kết dư				6		6			
B	TỔNG CHI NSDP	233.256	239.544	52.175	56.741	285.431	296.285	122,4	123,7	103,8
I	Tổng chi cân đối NSNN	233.256	239.522	52.175	52.177	285.431	291.699	122,4	121,8	102,2
1	Chi đầu tư phát triển	104.035	104.035			104.035	104.035	100,0	100,0	100,0
2	Chi thường xuyên	111.625	115.744	53.867	53.616	165.492	169.360	148,3	146,3	102,3
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay									
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính									
5	Dự phòng ngân sách	2.400	4.547		152	2.400	4.699	100,0	103,3	195,8
6	Nộp trả ngân sách cấp trên				101		101			
7	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	15.196	15.196	(1.692)	(1.692)	13.504	13.504	88,9	88,9	100,0
II	Chi các chương trình mục tiêu									
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia									
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ									
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		22		4.564		4.586			



ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 24 /NQ-HĐND ngày 23 / 12 /2025 của Hội đồng nhân dân phường Minh Hưng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán đã giao năm 2025				Điều chỉnh Dự toán năm 2025				Dự toán HĐND phường giao năm 2025		So sánh tỷ lệ (%)	
		Dự toán HĐND tỉnh giao năm 2025				Dự toán HĐND phường giao năm 2025				Dự toán HĐND phường giao năm 2025			
		Tổng thu NSNN		Thu NSDP		Tổng thu NSNN		Thu NSDP		Tổng thu NSNN		Thu NSDP	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/3	10=8/4		
A	B												
	TỔNG THU NSNN												
I	Thu nội địa	8.120	5.150	8.120	5.150	8.120	5.150	16.741	11.412	206,2	221,6		
1	Thu từ khu vực DNNN do địa phương	2.940	1.735	2.940	1.735	2.940	1.735	7.631	4.502	100,0	259,5		
	- Thuế GTGT	2.940	1.735	2.940	1.735	2.940	1.735	7.600	4.484	100,0	258,4		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt							31	18				
2	Lệ phí trước bạ	3.530	1.765	3.530	1.765	3.530	1.765	4.400	2.200	100,0	124,6		
3	Thu phí, lệ phí	490	490	490	490	490	490	3.300	3.300	100,0	673,5		
-	Phí và lệ phí phường	490	490	490	490	490	490	3.300	3.300	100,0	673,5		
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	710	710	710	710	710	710	710	710	100,0	100,0		
5	Thu khác ngân sách	450	450	450	450	450	450	700	700	100,0	155,6		



ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025(Kèm theo Nghị quyết số 21 /NQ-HĐND ngày 23 / 12 /2025 của Hội đồng nhân dân phường Minh Hưng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Các khoản chi	Dự Toán đã giao năm 2025		Dự toán điều chỉnh, bổ sung năm 2025		Tổng Dự Toán năm 2025		So sánh (%)	
		Dự toán HĐND tỉnh giao	Dự toán HĐND phường thông qua (Theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 07/11/2025)	Dự toán HĐND tỉnh giao	Dự toán HĐND phường thông qua	Dự toán HĐND tỉnh giao	Dự toán HĐND phường thông qua		
A	B	I	2	3	4	5	6	7=5/1	8=6/2
	TỔNG CHI NSDP	233.256	239.544	52.175	56.741	285.431	296.285	122	123,7
A	CHI CÂN ĐỐI NS	233.256	239.544	52.175	56.741	240.856	296.285	103	123,7
I	CHI ĐẦU TƯ XDCB	104.035	104.035	0		104.035	104.035	100	100,0
-	Vốn theo phân cấp	104.035	104.035			104.035	104.035	100	100,0
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	111.625	115.744	53.867	53.616	120.917	169.360	108	146,3
1	Chi sự nghiệp kinh tế	-	6.316	281	2.332	281	8.648		136,9
-	Kiến thiết thị chính		3.660			-	3.660		100,0
-	Kinh phí thực hiện về đất đai					-	-		
-	Sự nghiệp kinh tế		2.449	281	2.332	281	4.781		195,2
-	Chi phí lập quy hoạch					-	-		
-	Đã chi cấp phường cũ		207			-	207		100,0
2	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	104	0	0	-	104		100,0
-	Chi sự nghiệp môi trường		96			-	96		100,0
-	Đã chi cấp phường cũ		8			-	8		100,0
3	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	57.865	59.370	4.388	3.362	62.253	62.732	108	105,7
-	Sự nghiệp giáo dục		57.872	4.388	3.362	4.388	61.234		105,8
-	Sự nghiệp đào tạo cán bộ		187			-	187		100,0
-	Phòng Văn Hóa - Xã hội		1.228			-	1.228		100,0
-	Trung tâm Văn hoá, Thể thao và Học tập cộng đồng		53			-	53		100,0
-	Đã chi cấp phường cũ		30			-	30		100,0

4	Chi sự nghiệp Y tế	-	122			-	122		100,0
-	Chi sự nghiệp Y tế		110			-	110		100,0
-	Đã chi cấp phường cũ		12			-	12		100,0
5	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	-	1.160	-	114	-	1.274		109,8
-	Trung tâm dịch vụ tổng hợp		943		114	-	1.057		112,1
-	Phòng Văn Hóa - Xã hội		90			-	90		100,0
-	Đã chi cấp phường cũ		127			-	127		100,0
6	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	-	251			-	251		100,0
-	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		247			-	247		100,0
-	Đã chi cấp phường cũ		4			-	4		100,0
7	Thẻ dực thể thao	-	135			-	135		100,0
-	Thẻ dực thể thao		90			-	90		100,0
-	Đã chi cấp phường cũ		45			-	45		100,0
8	Chi Bảo đảm xã hội	-	4.047	3.123	3.066	3.123	7.113		175,8
-	Chi Bảo đảm xã hội		3.804	3.123	3.066	3.123	6.870		180,6
-	Đã chi cấp phường cũ		243			-	243		100,0
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	-	28.712		1.308	-	30.020		104,6
-	Đảng ủy phường		4.634			-	4.997		107,8
-	Văn phòng HĐND - UBND		8.142			-	9.353		114,9
-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị		1.606			-	1.660		103,4
-	Phòng Văn Hóa - Xã hội		1.682			-	1.733		103,0
-	Trung tâm phục vụ hành chính công		1.193			-	978		82,0
-	Ủy ban Mặt trận tổ quốc		2.562			-	2.617		102,1
-	Kinh phí hoạt động của các Đảng bộ, chi bộ cơ sở		210			-			-,0
-	Đã chi cấp phường cũ		8.301			-	8.301		100,0
-	Tổ chức XH, XHNN (Hỗ trợ hội đặc thù)	0	382			-	382		100,0
-	Tổ chức XH, XHNN (Hỗ trợ hội đặc thù)		0			-	-		
-	Đã chi cấp phường cũ		382			-	382		100,0
10	Chi an ninh quốc phòng địa phương	0	11.438	0	80	0	11.518		100,7
-	An ninh		7.270	0	80	0	7.350	0	

+	An ninh và trật tự an toàn xã hội		2.863		80	-	2.943		102,8
+	Đã chi cấp phường cũ		4.407			-	4.407		100,0
-	Quốc phòng		4.168	-	-	-	4.168		
+	Quốc phòng		2.601			-	2.601		100,0
+	Đã chi cấp phường cũ		1.567			-	1.567		100,0
12	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ		450			-	450		100,0
13	Chi khác ngân sách (Trong đó: có 44, 575 tỉ chưa phân bổ chờ nộp trả ngân sách tỉnh)		3.639	46.075	43.354	46.075	46.993		1.291,4
III	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia					0	-		
IV	Chi chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		22		4.564	0	4.586		20.845,5
V	Dự phòng	2.400	4.547		152	2.400	4.699	100	103,3
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	15.196	15.196	(1.692)	(1.692)	13.504	13.504	89	88,9
T. đó	Đã bao gồm số đã chi nội dung thôi việc theo ND 178		6.159			0	6.159		100,0
VII	Chi nộp ngân sách cấp trên				101,0	-	101		

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 21/NQ-HĐND ngày 23 / 12 /2025 của Hội đồng nhân dân phường Minh Hưng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán HĐND phường thông qua (Theo Nghị quyết số 16/NQ- HĐND ngày 07/11/2025)	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Tổng Dự toán điều chỉnh năm 2025	Ghi chú
A	B	1	2	3=1+2	4=3-1
	TỔNG CHI NSDP	239.544	56.741	296.285	
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI				
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC	239.522	52.177	291.699	
I	Chi đầu tư phát triển	104.035		104.035	
1	Chi đầu tư cho các dự án	104.035		104.035	
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	115.744	53.616	169.360	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	59.370	3.362	62.732	
-	Chi quốc phòng	4.168		4.168	
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	7.270	80	7.350	
-	Chi y tế, dân số và gia đình	122		122	
-	Chi văn hóa thông tin	1.160	114	1.274	
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	251		251	
-	Chi thể dục thể thao	135		135	
-	Chi bảo vệ môi trường	104		104	
-	Chi các hoạt động kinh tế	6.316	2.332	8.648	
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	28.712	1.308	30.020	
-	Chi bảo đảm xã hội	4.047	3.066	7.113	
-	Chi khoa học công nghệ	450		450	
-	Chi thường xuyên khác	3.639	43.354	46.993	
III	Dự phòng ngân sách	4.547	152	4.699	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	15.196	(1.692)	13.504	
V	Chi nộp ngân sách cấp trên		101	101	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC SANG	22	4.564	4.586	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 24 /NQ-HĐND ngày 23 / 12 /2025 của Hội đồng nhân dân phường Minh Hưng)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi nộp ngân sách cấp trên	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang
A	B	I	2	3	4	5	6	7	11
	TỔNG SỐ	296.285	104.035	169.360		101	4.699	13.504	4.586
1	UBND phường Minh Hưng cũ (Số chi đến hết 30/6/2025)	34.108	12.616	15.333				6.159	
2	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	91.419	91.419						
3	Trường Mầm non Minh Long	6.113		5.885				228	
4	Trường Mầm non Minh Hưng	8.929		8.586				343	
5	Trường tiểu học Minh Hưng A	20.623		18.778				1.845	
6	Trường tiểu học Minh Hưng B	7.721		7.417				304	
7	Trường TH & THCS Minh Long	14.085		13.472				591	22



Stt	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi nộp ngân sách cấp trên	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang
4	B	1	2	3	4	5	6	7	11
8	Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập công đồng phường Minh Hưng (Số đã chi đến hết ngày 30/6/2025)	25		25					
9	Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập công đồng phường Minh Long (Số đã chi đến hết ngày 30/6/2025)	28		28					
10	Đảng uỷ phường	5.018		5.018					
11	Văn phòng HDND - UBND	20.199		19.030				1.170	
12	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	9.694		9.382				312	
13	Phòng văn hoá - Xã hội	10.121		10.031				90	
14	Ủy ban MTTQVN	2.971		2.617				354	
15	Trung tâm phục vụ hành chính công	2.499		1.428				1.071	
16	Trung tâm dịch vụ tổng hợp:	5.155		5.073				82	

Stt	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi nộp ngân sách cấp trên	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang
A	B	I	2	3	4	5	6	7	11
17	An Ninh - Quốc phòng	265		265					
18	Chi nộp trả cấp trên	101				101			
19	Chi khác (Trong đó: có 44, 575 tỉ chưa phân bổ chờ nộp trả ngân sách tỉnh)	46.993		46.993					
20	Dự phòng	4.699					4.699		
21	Chi chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	4.564							4.564
22	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương chưa phân bổ	955						955	

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 21/NQ-HDND ngày 23 / 02 / 2025 của Hội đồng nhân dân phường Minh Hưng)

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	104.035	1.127	-	-	-	2.984	-	-	-	-	85.827	85.827	-	14.097	-	-
1	UBND phường Minh Hưng	104.035	1.127				2.984	-				85.827	85.827		14.097		



DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 24 /NQ-HDND ngày 23 / 12 /2025 của Hội đồng nhân dân phường Minh Hưng)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Tổng cộng	Trong đó:											Lĩnh vực an ninh	Lĩnh vực Quốc Phòng	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi khác
			Chỉ Quân lý hành chính nhà nước - Đảng - Đoàn thể	Sự nghiệp khoa học - Công nghệ	Sự nghiệp Kinh tế	Sự nghiệp GD-ĐT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp Văn hoá- Thông tin	Sự nghiệp Phát thanh- truyền hình	Sự nghiệp Thể dục- Thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi khác				
A	B																
	TỔNG SỐ	169.360	30.020	450	8.648	62.732	122	1.274	251	135	104	7.350	4.168	7.113	46.993		
1	UBND phường Minh Hưng cũ (Số chỉ đến hết 30/6/2025)	15.333	8.683		207	30	12	127	4	45	8	4.407	1.567	243			
3	Trường Mầm non Minh Long	5.885				5.885											
-	Dự toán đã giao tại NQ số 13/NQ- HDND ngày 01/8/2025	6.035				6.035											
-	Kinh phí hợp đồng chuyên môn theo NĐ 111/2022/ND-CP	84				84											
-	Điều chỉnh giám lương, phụ cấp và hoạt động định mức do nghỉ hưu	(234)				(234)											
4	Trường Mầm non Minh Hưng	8.586				8.586											
-	Dự toán đã giao tại NQ số 13/NQ- HDND ngày 01/8/2025	8.505				8.505											
-	Điều chỉnh giám Nghị định 111/2022/ND-CP do khoản	(28)				(28)											
-	Bổ sung lương hợp đồng chuyên môn	98				98											



Stt	Tên đơn vị	Tổng cộng	Trong đó:											
			Chi Quản lý hành chính nhà nước - Đảng - Đoàn thể	Sự nghiệp khoa học - Công nghệ	Sự nghiệp Kinh tế	Sự nghiệp GD-ĐT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp Văn hoá- Thông tin	Sự nghiệp Phát triển- truyền hình	Sự nghiệp Thể dục- Thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Lĩnh vực an ninh	Lĩnh vực Quốc Phòng	Sự nghiệp dân báo xã hội
A	B													
-	Phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật + Hỗ trợ theo ND 105/2022/ND-CP	11				11								
5	Trường tiểu học Minh Hưng A	18.778				18.778								
-	Dự toán đã giao tại NQ số 13/NQ-HDND ngày 01/8/2025	18.439				18.439								
-	Bổ sung KP Nghị định 111/2022/ND-CP do khoản	238				238								
-	Bổ sung lương biên chế mới chuyển đến	133				133								
-	Điều chỉnh giảm lương và hoạt động biên chế do thời việc	(98)				(98)								
-	Phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật	66				66								
6	Trường tiểu học Minh Hưng B	7.417				7.417								
-	Dự toán đã giao tại NQ số 13/NQ-HDND ngày 01/8/2025	7.317				7.317								
-	Bổ sung KP Nghị định 111/2022/ND-CP do khoản	77				77								
-	Phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật	23				23								
7	Trường TH & THCS Minh Long	13.472				13.472								
-	Tiền học	6.704				6.704								

Stt	Tên đơn vị	Tổng cộng	Trong đó:											Chi khác
			Chỉ Quản lý hành chính nhà nước - Đảng - Đoàn thể	Sự nghiệp khoa học - Công nghệ	Sự nghiệp Kinh tế	Sự nghiệp GD-ĐT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp Văn hoá- Thông tin	Sự nghiệp Phát thanh- truyền hình	Sự nghiệp Thể dục- Thể thao	Chỉ bảo vệ môi trường	Lĩnh vực an ninh	Lĩnh vực Quốc Phòng	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
A	B													
+	Dự toán đã giao tại NQ số 13/NQ-HĐND ngày 01/8/2025	6.594				6.594								
+	+ Phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật	76				76								
+	Bổ sung KP Nghị định 111/2022/NĐ-CP do khoản	65				65								
+	Điều chỉnh giảm do nghỉ hưu	(32)				(32)								
-	THCS	6.769				6.769								
+	Dự toán đã giao tại NQ số 13/NQ-HĐND ngày 01/8/2025	6.736				6.736								
+	+ Phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật	33				33								
8	Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng phường Minh Hưng (Số đã chi đến hết ngày 30/6/2025)	25				25								
9	Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng phường Minh Long (Số đã chi đến hết ngày 30/6/2025)	28				28								
10	Đăng uỷ phường	5.018	4.997			21								
-	Dự toán đã giao tại NQ số 13/NQ-HĐND ngày 01/8/2025	3.694	3.694											



[illegible]

Stt	Tên đơn vị	Tổng cộng	Trong đó:											Sức nghệ đảm bảo xã hội	Chi khác
			Chỉ Quân lý hành chính nhà nước - Đảng - Đoàn thể	Sức nghiệp khoa học - Công nghệ	Sức nghiệp Kinh tế	Sức nghệ GD-ĐT	Sức nghệ Y tế	Sức nghệ Văn hoá- Thông tin	Sức nghệ Phát thanh- truyền hình	Sức nghệ Thể dục- Thể thao	Chỉ bảo vệ môi trường	Lĩnh vực an ninh	Lĩnh vực Quốc Phòng		
A	B														
-	Kinh phí tiền thưởng	215	215												
-	Giảm hoạt động định mức do đầu năm chưa trích	(12)	(12)												
-	Bổ sung nâng lương thường xuyên	4	4												
-	Bổ sung phụ cấp bảo lưu	291	291												
-	Bổ sung phụ cấp báo cáo viên, CTV đư luận	46	46												
	Bổ sung phụ cấp BCD 35	37	37												
	Chi mua tài liệu công tác Đảng	18	18												
	Tiết kiệm thực hiện CCTL, TK theo NQ 173/NQ-CP	70	70												
	Bổ sung kinh phí lớp bồi dưỡng nghệ vụ chuyên sâu	21				21									
	Bổ sung kinh phí chế độ bồi dưỡng phục vụ hoạt động của Đảng ủy xã, phường theo Quy định 1-QĐ/TU	28	28												
	Giảm hoạt động định mức do đầu năm chưa trích	(8)	(8)												
11	Văn phòng HĐND - UBND	19.030	9.353		4.380	17						2.678	2.601		

Stt	Tên đơn vị	Tổng cộng	Trong đó:													
			Chi Quản lý hành chính nhà nước - Đảng - Đoàn thể	Sự nghiệp khoa học - Công nghệ	Sự nghiệp Kinh tế	Sự nghiệp GD-ĐT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp Văn hoá- Thông tin	Sự nghiệp Phát thanh- truyền hình	Sự nghiệp Thể dục- Thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Lĩnh vực an ninh	Lĩnh vực Quốc Phòng	Sự nghiệp dân báo xã hội		
A	B															
	Dự toán đã giao lại NQ số 13/NQ-HDND ngày 01/8/2025	10.956	5.035		2.000								2.006	1.915		
	Tuyệt kiệm thực hiện CCTL, TK theo NQ 173/NQ-CP	58	58													
	Kinh phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị	1.083	1.083													
	Kinh phí duy tu, sửa chữa đường kết nối giữa đường số 30 và đường số 32 khu phố Minh Long 3	800			800											
	Bổ sung Kinh phí đại hội Đảng bộ phường	56	56													
	Bổ sung Kinh phí đầu tư hệ thống mạng Lan	40	40													
	Bổ sung kinh phí phụ cấp, tuần tra cho lực lượng an ninh trật tự cơ sở	822										822				
	Điều chỉnh giảm do không thực hiện	(150)										(150)				
	Bổ sung kinh phí lương, phụ cấp và các khoản đóng góp BCHQS	48												48		
	Bổ sung kinh phí hoạt động định mức và khoán chi tiêu biên chế thiếu	20												20		
	Bổ sung phụ cấp ngày công lao động + tiền ăn dân quân thường trực	311												311		

Stt	Tên đơn vị	Tổng cộng	Trong đó:											SỰ NGHIỆP ĐAM BẢO XÃ HỘI	Chi khác
			Chi Quân lý hành chính nhà nước - Đảng - Đoàn thể	SỰ NGHIỆP khoa học - Công nghệ	SỰ NGHIỆP Kinh tế	SỰ NGHIỆP GD-ĐT	SỰ NGHIỆP Y tế	SỰ NGHIỆP Văn hoá- Thông tin	SỰ NGHIỆP Phát thanh- truyền hình	SỰ NGHIỆP Thể dục- Thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Lĩnh vực an ninh	Lĩnh vực Quốc Phòng		
A	B														
	Kinh phí huấn luyện, kiểm tra bắn đạn thật	143											143		
	Bổ sung kinh phí tuyển sinh, tuyển quân	8											8		
	Bổ sung kinh phí trợ cấp cho dân quân thường trực hoàn thành nghĩa vụ quân sự	12											12		
	Bổ sung kinh phí chuyên môn khác	144											144		
	Điều chỉnh giám hoạt động định mức do đầu năm chưa trích tiết kiệm theo NQ 73	(29)	(29)												
	Bổ sung kinh phí khoán 3 chi tiêu biến chế	82	82												
	Điều chỉnh giám do thôi việc theo ND 178	(60)	(60)												
	Bổ sung bảo lưu các khoản phụ cấp	90	90												
	Bổ sung kinh phí hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ	94	94												
	Điều chỉnh giám phụ cấp kiểm nhiệm HDND	(25)	(25)												
	Bổ sung phụ cấp người hoạt động không chuyên trách phường, cán bộ không chuyên trách ấp, khu phố	272	272												



 BỘ TÀI CHÍNH VIỆT NAM

Stt	Tên đơn vị	Tổng cộng	Trong đó:												
			Chi Quản lý hành chính nhà nước - Đảng - Đoàn thể	Sự nghiệp khoa học - Công nghệ	Sự nghiệp Kinh tế	Sự nghiệp GD-DT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp Văn hoá- Thông tin	Sự nghiệp Phát thanh-truyền hình	Sự nghiệp Thể dục-Thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Lĩnh vực an ninh	Lĩnh vực Quốc Phòng	Sự nghiệp dân bảo xã hội	Chi khác
<i>A</i>	<i>B</i>														
	Bổ sung kinh phí kiểm soát thủ tục hành chính	1	1												
	Bổ sung kinh phí tiền điện dùng chung	120	120												
	Bổ sung kinh phí hoạt động dùng chung phục vụ thường trực HĐND - UBND	644	644												
	Bổ sung kinh phí mua xe ô tô phục vụ công tác dùng chung	1.900	1.900												
	Điều chỉnh giảm do hết nhiệm vụ chi	(8)	(8)												
	Kinh phí thực hiện dự án: Duyệt, sửa chữa đường 30, khu phố Minh Long 3, phường Minh Hưng	930			930										
	Kinh phí thực hiện dự án: Duyệt, sửa chữa đường 38, khu phố Minh Long 3, phường Minh Hưng	650			650										
	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng	17				17									
12	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	9.382	1.660		381	7.245					96				

Stt	Tên đơn vị	Tổng cộng	Trong đó:											Chi khác
			Chi Quản lý hành chính nhà nước - Đảng - Đoàn thể	Sự nghiệp khoa học - Công nghệ	Sự nghiệp Kinh tế	Sự nghiệp GD-ĐT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp Văn hoá- Thông tin	Sự nghiệp Phát thanh- truyền hình	Sự nghiệp Thể dục- Thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Lĩnh vực an ninh	Lĩnh vực Quốc Phòng	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
A	B													
	Dự toán đã giao tại NQ số 13/NQ-HDND ngày 01/8/2025	5.412	1.297		281	3.834								
	Tiết kiệm thực hiện CCTL, TK theo NQ 173/NQ-CP	32	32											
	Điều chỉnh Kinh phí đầu tư hệ thống mạng Lan	(40)	(40)											
	Bổ sung kinh phí thực hiện dự án: cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị trường TH&THCS Minh Long													
	Bổ sung kinh phí bồi dưỡng, đào tạo	70				70								
	Bổ sung kinh phí chi công tác báo vệ môi trường và không xả rác thải sinh hoạt ra môi trường trên địa bàn	96									96			
	Kinh phí thực hiện Thống kê đất đai năm 2025	100			100									
	Điều chỉnh giảm kinh phí hoạt động định mức do chưa trích 10% tiết kiệm	(16)	(16)											
	Bổ sung kinh phí nâng lương thường xuyên	10	10											



[illegible]

[illegible]

Stt	Tên đơn vị	Tổng cộng	Trong đó:											Chi khác
			Chi Quản lý hành chính nhà nước - Đảng - Đoàn thể	Sự nghiệp khoa học - Công nghệ	Sự nghiệp Kinh tế	Sự nghiệp GD-DT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp Văn hoá- Thông tin	Sự nghiệp Phát thanh- truyền hình	Sự nghiệp Thể dục- Thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Lĩnh vực an ninh	Lĩnh vực Quốc Phòng	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
A	B													
	Điều chỉnh giám kinh phí hoạt động định mức do đầu năm chưa trích cái cách tiền lương	(18)	(18)											
	Điều chỉnh giám phụ cấp người hoạt động không chuyên trách do giám hệ số	(72)	(72)											
	Bổ sung kinh phí hợp đồng theo Nghị định 111/2022/ND-CP	16	16											
	Bổ sung kinh phí truy lĩnh phụ cấp kiêm nhiệm HDND	31	31											
	Bổ sung phụ cấp bảo lưu	144	144											
	Bổ sung kinh phí chênh lệch bổ nhiệm ngạch	6	6											
	Bổ sung tiền điện thấp sáng dùng chung	60	60											
	Bổ sung trợ cấp thôi việc không chuyên trách	43	43											
	Bổ sung kinh phí tham dự triển lãm trái cây và tham dự Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Đồng Nai	30	30											



[illegible]

Stt	Tên đơn vị	Tổng cộng	Trong đó:											Chi khác
			Chi Quản lý hành chính nhà nước - Đảng - Đoàn thể	Sự nghiệp khoa học - Công nghệ	Sự nghiệp Kinh tế	Sự nghiệp GD-ĐT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp Văn hoá- Thông tin	Sự nghiệp Phát thanh-truyền hình	Sự nghiệp Thể dục-Thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Lĩnh vực an ninh	Lĩnh vực Quốc Phòng	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
A	B													
-	Dự toán đã giao tại NQ số 13/NQ-HDND ngày 01/8/2025	1.134	1.134											
	Giảm hoạt động định mức do đầu năm chưa trích	12	12											
	Chi đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính (chỉ theo Nghị quyết số: 121/2018/NQ-HDND của HĐND tỉnh Đồng Nai	9	9											
	Phụ cấp khác (theo NQ 23/2016 của HĐND tỉnh BP)	17	17											
	Bổ sung tăng biên chế và phụ cấp bảo lưu	133	133											
	Kinh phí làm thêm giờ	83	83											
-	Điều chỉnh giảm kinh mua sắm sau sắp xếp	(410)	(410)											
-	Mua sắm tài sản theo kế hoạch 65/KH-UBND ngày 22/8/2025 của tỉnh Đồng Nai	450		450										
16	Trung tâm dịch vụ tổng hợp:	5.073			3.679			1.057	247	90				
-	Dự toán đã giao tại NQ số 13/NQ-HDND ngày 01/8/2025	1.539			438			991	20	90				

[illegible]

[illegible]